

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HS-ST

Ngày: 07/03/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Tú

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

Ông Phùng Tiến Lập

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Châu Long - Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 376/2023/TLST - HS ngày 21 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thu D, sinh năm 1991; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã C, huyện C, tỉnh T; Chỗ ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Phạm Quang L; Họ tên mẹ: Lê Thị L1; Gia đình bị cáo có 3 anh chị em bị cáo là con thứ ba; Họ tên chồng: Nguyễn Thanh L2 (đã ly hôn), Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 26/07/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 năm tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Ngày 25/09/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 16 năm tù về

tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; 05 năm tù tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt với bản án số 259/2022/HSST ngày 26/07/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Phạm Thu D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 năm tù.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H.
(Có mặt tại phiên tòa).

**Bị hại:* Ngân hàng TMCP V1 (V2); Trụ sở: số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 – Chủ tịch hội đồng quản trị; Người được ủy quyền: Bà Lều Thu V – Giám đốc Trung tâm A1 (theo văn bản ủy quyền số 76/2023 ngày 15/8/2019); Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn C, ông Võ Quang L3 (theo văn bản ủy quyền số 320 ngày 07/11/2023)

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2020, Phạm Thu D lên mạng xã hội facbeook và tìm hiểu thì được biết có dịch vụ làm thẩm mỹ trả tiền qua hình thức vay trả góp ngân hàng bằng thẻ tín dụng. Sau đó, D đặt làm giả 01 CMND số 121465633 mang tên Trần Văn A, sinh ngày 26/11/1987, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện L, tỉnh B có dán ảnh thẻ của Diệu trên CMND và 01 sổ hộ khẩu số 040513198 mang tên chủ hộ là Trần Văn A qua một người không quen biết trên mạng xã hội facebook để đi đăng ký làm hồ sơ vay trả góp gói dịch vụ thẩm mỹ hút mỡ bụng.

Khoảng tháng 8/2020, Phạm Thu D đến thẩm mỹ viện Topaz B tại địa chỉ tại: số G Bà T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội để tư vấn gói thẩm mỹ hút mỡ bụng. Sau khi được nhân viên của Trung tâm T2 hút mỡ bụng với giá là 140.000.000 đồng và có thể làm thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP V1 (V2) hạn mức 80.000.000 đồng để thanh toán gói dịch vụ và sẽ làm dịch vụ tại cơ sở liên kết là Bệnh viện Đ – Công ty cổ phần Y1 – 29 H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội sẽ là nơi thực hiện dịch vụ. D đồng ý và đã nộp số tiền 60.000.000 đồng để sử dụng gói dịch vụ thẩm mỹ. Tiếp theo, nhân viên của trung tâm thẩm mỹ dẫn D đến gặp nhân viên của Ngân hàng V2 là anh Phùng Đức Y (sinh năm: 1991, Nơi cư trú: E3 Khu đấu giá Ngô Thị N, H, H, Hà Nội) Nhân viên tư vấn tài chính cá nhân của Ngân hàng V2-Chi nhánh V3, quận H, thành phố Hà Nội. Anh Y yêu cầu D xuất trình chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản gốc) để làm thủ tục đăng ký cấp thẻ tín dụng hạn mức 80.000.000 đồng của Ngân hàng V2. Lúc này, D đã đưa cho anh Y 01 CMND số 121465633

mang tên Trần Văn A, sinh ngày 26/11/1987, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện L, tỉnh B có dán ảnh thẻ của Điều trên CMND và 01 sổ hộ khẩu số 040513198 mang tên chủ hộ là Trần Văn A để đăng ký cấp thẻ tín dụng. Sau đó, anh Y nhập thông tin tên tuổi, địa chỉ của D như trên CMND, sổ hộ khẩu trên và chụp ảnh D. Tiếp theo, anh Y cho Điều điền thông tin và ký tên vào giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/8/2020. Hợp đồng đề nghị cấp hạn mức thẻ tín dụng là 80.000.000 đồng mục đích là phục vụ tiêu dùng cá nhân. Sau đó, D nhận được tin nhắn của Ngân hàng V2 phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho D, sau khi được phê duyệt D đến ngân hàng V4 chi nhánh H1 (địa chỉ: số F T, phường N, quận H, thành phố Hà Nội) để nhận thẻ tín dụng rồi đến trung tâm thanh toán nót số tiền 80.000.000 đồng bằng hình thức quẹt thẻ tín dụng của Ngân hàng V2 tại trung tâm T2. Tiếp đó, D đến bệnh viện Y2 có địa chỉ tại: số B, H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội do anh Lê Minh H (sinh năm: 1981; nơi cư trú: D5B - 44 lô D5, khu đấu giá 18.6HA, phường P, quận T, Hà Nội) - là Tổng giám đốc Công ty cổ phần Y1 để làm gói dịch vụ hút mỡ bụng. Sau khi phẫu thuật thẩm mỹ, D có nhiều lần quay lại thăm khám tại bệnh viện Y2 do bị nhiễm trùng.

Cơ quan CSĐT- Công an quận H đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết trên Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/8/2020 tại Phòng PC09 – Công an thành phố H.

Tại Kết luận giám định số 3522/KL-KTHS ngày 01/06/2022 của Phòng PC09 – C1 ngày về việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/8/2020, kết quả như sau:

+ *Chữ viết phần nội dung (Trừ chữ viết có nội dung "Văn Quán Văn Q - H - Hà Nội", chữ viết "Việt Nam" tại mục "Quốc tịch", chữ viết "kinh doanh" tại trang đánh số 2, chữ viết "H" tại trang đánh số 5); Chữ viết dòng họ tên Trần Văn A tại cột "Chữ ký 1" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) là chữ do người có mẫu chữ viết đứng tên Phạm Thu D trên các tài liệu (Ký hiệu M1, M2) viết ra.*

+ *Không đủ cơ sở kết luận chữ ký tại cột "Chữ ký 1", "Chữ ký 2"; Chữ ký tại cuối các trang trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) có phải do người có mẫu chữ ký đứng tên Phạm Thu D trên các tài liệu (Ký hiệu M1, M2) ký ra hay không.*

Cơ quan CSĐT- Công an quận H trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết trên Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/8/2020 tại V5 - Bộ C2.

Tại Kết luận giám định số 4301/KL-KTHS ngày 06/10/2022 của V5 - Bộ C2:
+ Người có mẫu chữ viết gửi đến giám định dùng tên Phạm Thu D trên mẫu so sánh ký hiệu M2 không viết ra các chữ: “24-8-2020” tại mục “Ngày”; “Văn Quán Văn Q -H - Hà Nội” tại các mục “Chi nhánh/Phòng giao dịch”, “Địa chỉ”; “Việt Nam” tại mục “Quốc tịch” trên trang 1; “Kinh doanh” tại các mục “Nghề nghiệp”, “Chức vụ” trên trang 2; “Hoàn Kiếm” tại mục “Tại V2 Chi nhánh” trên trang 5; “26/8/2020” tại mục “Ngày” trên trang 12 mẫu cần giám định ký hiệu A.

+ Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A (trừ các chữ đã kết luận tại mục 1) so với chữ viết của Phạm Thu D trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Anh” dưới mục “Chữ ký 1”, “Chữ ký 2” và tại cuối các trang trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thu D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Bản thân nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Đối với anh Phùng Đức Y, quá trình điều tra xác định anh Y là nhân viên tư vấn tài chính cá nhân của Ngân hàng V2- Chi nhánh V3, H. Ngân hàng V2 và Công ty cổ phần Y1 có ký hợp đồng liên kết, theo đó Ngân hàng V2 sẽ cho khách hàng của Công ty cổ phần Y1 mở thẻ tín dụng hạn mức để làm gói dịch vụ thẩm mỹ. Anh Y đã đăng ký làm thẻ tín dụng hạn mức 80.000.000 đồng cho khách hàng Trần Văn A đúng theo quy trình. Anh Y cho biết không thể nhận dạng được khách hàng Trần Văn A vì thời gian đã lâu, công việc của anh Y tiếp xúc với nhiều người nên anh Y không nhận dạng được nên Cơ quan CSĐT- Công an quận H không xử lý gì đối với anh Y.

Đối với Công ty cổ phần Y1 quá trình điều tra xác định Chị Trần Văn A (SN: 1987; HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh B) có sử dụng dịch vụ thẩm mỹ viện tại Công ty cổ phần Y1 dưới hình thức mở thẻ tín dụng hạn mức của ngân hàng V2 để thanh toán tiền dịch vụ. Cung cấp hồ sơ bệnh án của khách hàng Trần Văn A (SN: 1987; HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh B).

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT- Công an quận H tiến hành xác minh tại Công an phường N, quận H, thành phố Hà Nội thể hiện: Phòng khám thẩm mỹ TOPAZ của Công ty TNHH T3 có địa chỉ tại số G Bà T, phường N, quận H, TP Hà Nội Phòng khám đã đóng cửa, dừng hoạt động từ khoảng tháng 6 năm 2021. Hiện tại, địa chỉ trên không có cơ sở kinh doanh nào.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT- Công an quận H tiến hành xác minh tại Công an thị trấn K, huyện L, tỉnh B, thể hiện: Xã T, huyện L, tỉnh B đã sáp

nhập vào thị trấn K, huyện L, tỉnh B từ tháng 3 năm 2020. Qua rà soát hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia, không có ai tên Trần Văn A (SN: 1987; HKTT: Xã T, huyện L, tỉnh B; Chứng minh nhân dân số: 121465633, cấp ngày 18/12/2015; Sổ hộ khẩu số: 040513198) đang thường trú trên địa bàn thị trấn K.

Đối với thông tin sổ hộ khẩu số: 040513198, quá trình điều tra thể hiện: Ngày 21/04/2022, Công an huyện L, tỉnh B đã cung cấp: Tại thời điểm năm 2019 không có sổ theo dõi cấp sổ hộ khẩu cho công dân. Do vậy không xác định được sổ hộ khẩu 040513198 đã cấp cho công dân nào.

Đối với giấy chứng minh nhân dân số 121465633, Phòng PC06 - Công an tỉnh B cung cấp thông tin giấy chứng minh nhân dân số 121465633 do Công an tỉnh B cấp ngày 18/12/2015 được cấp cho chị Nguyễn Thị Hoài T (SN: 1983; Nơi sinh: Đ, P, L; Nguyên quán: D, T, N).

Đối với 01 CMND số 121465633 mang tên Trần Văn A, sinh ngày 26/11/1987, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện L, tỉnh B có dán ảnh thẻ của Diệu trên CMND và 01 sổ hộ khẩu số 040513198 mang tên chủ hộ là Trần Văn A và người làm giả những tài liệu trên cho Phạm Thu D quá trình điều tra hiện chưa thu giữ được CMND và sổ hộ khẩu trên, D không biết tên tuổi địa chỉ của người làm giả nên CQĐT đã tách rút những tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

Về dân sự: anh Nguyễn C (SN: 1986; Nơi cư trú: số I N, phường N, H, Hà Nội) - Đại diện Ngân hàng V2 trình bày, sau khi mở thẻ D đã thanh toán số tiền lãi cho Ngân hàng khoảng 10.000.000 đồng, do vậy yêu cầu D còn phải thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/12/2021 là 109.656.493 đồng (trong đó bao gồm 80.000.000 đồng tiền gốc).

Tại bản cáo trạng số 364/CT-VKSHBT-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Phạm Thu D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và bị cáo xin Ngân hàng V4 cho bị cáo thu xếp thời gian để trả số tiền gốc 80.000.000 đồng đã chiếm đoạt của Ngân hàng. Còn số tiền lãi 9.286.371 đồng bị cáo đã trả cho Ngân hàng trước đó thì bị cáo xin tự nguyện trả và không có ý kiến gì.

- Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng V4 có ý kiến: Ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến như đơn trình bày gửi Toà án ngày 26/2/2024 và xin rút số tiền lãi yêu cầu bị cáo, chỉ yêu cầu bị cáo trả số tiền gốc 80.000.000 đồng chiếm đoạt của Ngân

hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Thu D như tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng. Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đánh giá mức độ phạm tội, xem xét nhân thân, các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thu D từ **3 (ba) năm đến 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù.**

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng của Ngân hàng, do hợp đồng này vô hiệu nên buộc bị cáo phải trả tiền gốc là 80.000.000 đồng cho Ngân hàng V2.

- Về xử lý vật chứng: Không.

Bị cáo nói lời sau cùng, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 8/2020, tại phường N, Quận H, thành phố Hà Nội, Phạm Thu D có hành vi sử dụng Chứng minh nhân dân giả và sổ hộ khẩu giả mang tên Trần Văn A (có dán ảnh Phạm Thu D) để mở thẻ tín dụng và chiếm đoạt số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng của Ngân hàng TMCP V1. Hành vi trên của bị cáo đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả, không đúng với sự thật làm cho người bị lừa dối tin đó là thật và giao tài sản cho người phạm tội nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể bị cáo đã dùng Phạm Thu D có hành vi sử dụng Chứng minh nhân dân giả và sổ hộ khẩu giả mang tên Trần Văn A (có dán ảnh Phạm Thu D) để mở thẻ tín dụng và chiếm đoạt số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng của Ngân hàng TMCP V1. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội.

[3] Xét nhân thân bị cáo Phạm Thu D có nhân thân xấu: Ngày 26/07/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 năm tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Ngày 25/09/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 16 năm tù về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; 05 năm tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt với bản án số 259/2022/HSST ngày 26/07/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà nội. Buộc bị cáo Phạm Thu D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 năm tù (Án kháng cáo, chưa có hiệu lực pháp luật). Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án này trước khi xét xử hai bản án trên (Hành vi sau xử trước, hành vi trước xử sau) nên không thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngân hàng V2 và bị cáo Phạm Thu D xác nhận bị cáo D có mở thẻ tín dụng vay tiêu dùng số tiền gốc là 80.000.000 đồng (T1 mươi triệu đồng), sau đó bị cáo đã trả được một phần tiền lãi là 9.286.371 đồng (Chín triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi một đồng).

Quá trình điều tra Ngân hàng V2 yêu cầu bị cáo phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 01/12/2021 là 109.656.493 đồng (trong đó tiền gốc là 80.000.000 đồng).

Ngày 26/2/2024 và tại phiên tòa ngày 7/3/2024 đại diện Ngân hàng V4 có đơn trình bày xin rút số tiền lãi và chỉ yêu cầu bị cáo trả số tiền gốc 80.000.000 đồng chiếm đoạt của Ngân hàng V4. Bị cáo cũng xin Ngân hàng V4 cho bị cáo thu xếp trả

số tiền gốc 80.000.000 đồng, còn số tiền lãi 9.286.371 đồng bị cáo đã trả cho Ngân hàng trước đó thì bị cáo tự nguyện trả và không có ý kiến gì.

Xét bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng của Ngân hàng V4, do hợp đồng này vô hiệu nên buộc bị cáo phải trả tiền gốc là 80.000.000 đồng cho Ngân hàng V4.

[6] Về xử lý vật chứng: Không

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thu D** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo: **Phạm Thu D: 3 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.**

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 127, Điều 131, Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Ngân hàng TMCP V1 (V4) số tiền là 80.000.000 đồng (T1 mươi triệu đồng).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND Q.H;
- Công an Q.H;
- Thi hành án Q.H;
- TAND.TP Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Trại tạm giam Hà Nội
- Sở tư pháp TP. Hà Nội
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tú